

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng và bảo hiểm với thanh khoản tăng nhẹ

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

CTR, PTB

## [Vĩ mô/Chiến lược]

Đánh giá nhanh lạm phát Mỹ

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị gia tăng một phần tỷ trọng trading ngắn hạn tại vùng hỗ trợ trong phiên, nhưng cần tuân thủ điểm dừng lỗ và hạ tỷ trọng nếu điểm đỡ bị xuyên thủng sau đó.

11/11/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	954.53	+0.77
VN30	948.86	+1.29
HĐTL VN30F1M	938.00	+2.76
HNXIndex	189.81	-1.34
HNX30	296.94	-3.37
UPCoM	68.62	-0.26
USD/VND	24,831	-0.14
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.91	+1
Lãi suất qua đêm (%)	4.07	-33
Dầu (WTI, \$)	88.72	+2.60
Vàng (LME, \$)	1,762.32	+0.39



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 954.53 (+0.77%)  
**KLGD (triệu CP)** 736.5 (+25.6%)  
**GTGD (triệu US\$)** 442.7 (+1.6%)

TTCK tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng và bảo hiểm với thanh khoản tăng nhẹ. Khối ngoại mua ròng ở STB (+3%), KDH (+6.3%), HPG (+1.7%).

**HNXIndex** 189.81 (-1.34%)  
**KLGD (triệu CP)** 79.8 (+28.2%)  
**GTGD (triệu US\$)** 42.6 (+36.8%)

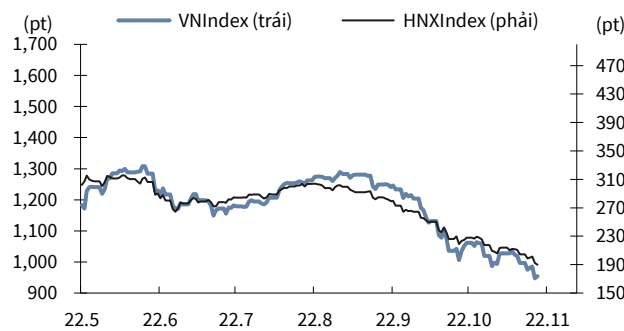
Lạm phát Mỹ hạ nhiệt trong tháng 10 khi CPI tăng 0.4% so với tháng trước và tăng 7.7% so với cùng kỳ, CPI lõi tăng 0.3% so với tháng trước và 6.3% so với cùng kỳ. Thị trường chứng khoán toàn cầu phản ứng rất tích cực và tăng điểm mạnh.

**UPCoM** 68.62 (-0.26%)  
**KLGD (triệu CP)** 36.0 (+3.1%)  
**GTGD (triệu US\$)** 11.7 (-27.1%)

Ngành Vận tải ghi nhận mức tăng trưởng lợi nhuận ròng Q3/22 là 340,6%, dẫn đầu các nhóm ngành. Cổ phiếu ngành Vận tải tăng ở GMD (+1.03%), PVT (+1.83%).

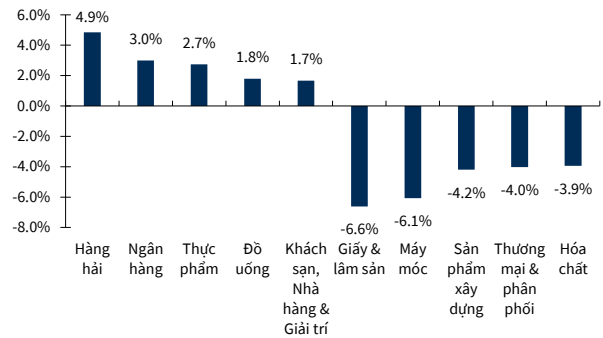
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +102.5**

## VNIndex & HNXIndex



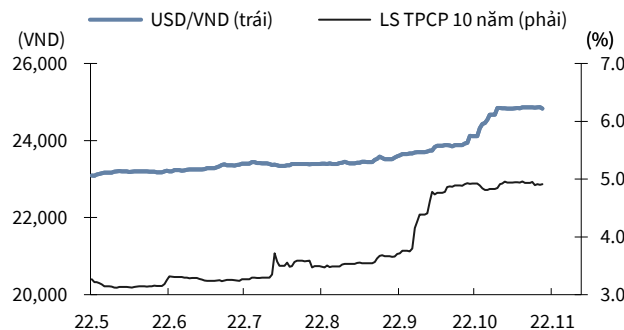
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



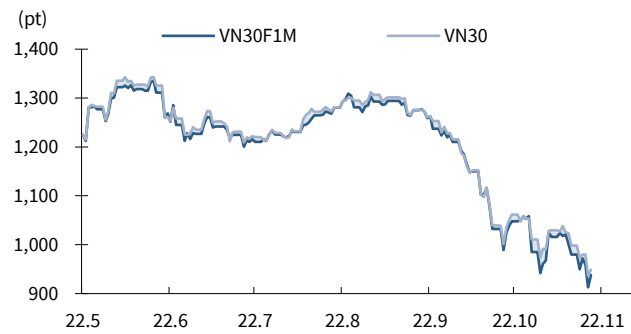
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>948.86 (+1.29%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>938.0 (+2.76%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>934.1</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>959.8</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>930.5</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>539,730 (+13.6%)</b>

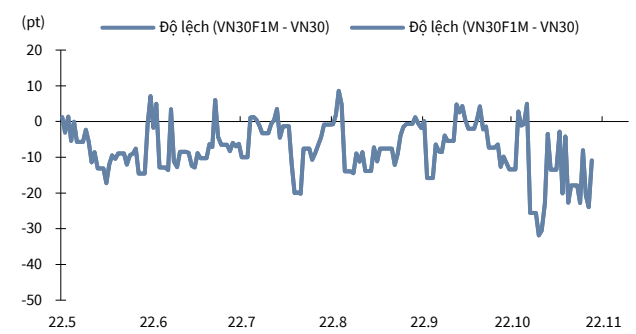
Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2211 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức cao nhất ngày 5.9 điểm, sau đó đảo chiều và biến động trong biên độ âm suốt phiên, và đóng cửa ở mức -6.9 điểm, cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước diễn biến tăng của thị trường cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

**HĐTL VN30F1M & VN30**



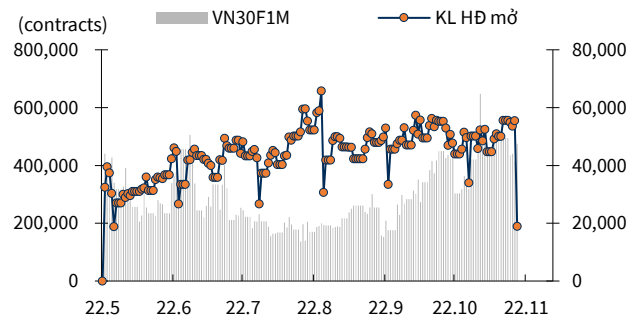
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30**



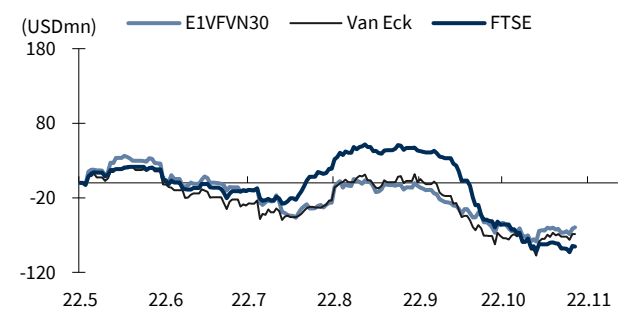
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

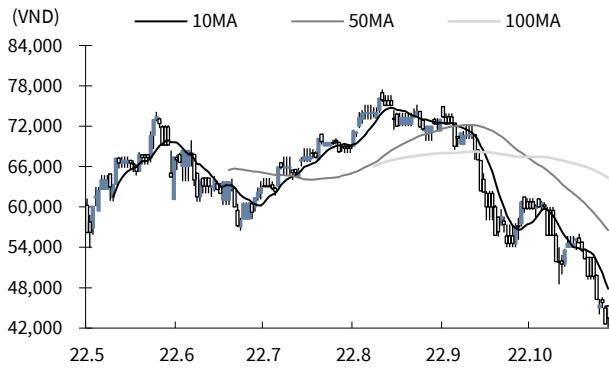
**Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Tổng CTCP Công trình Viettel (CTR)

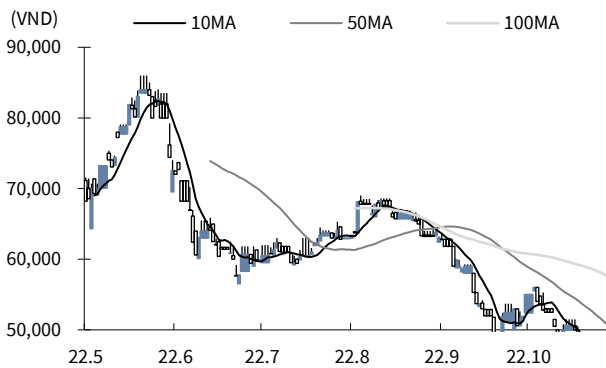


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTR tăng 2.11% lên 43,500 VND/cp

- Tổng CTCP Công trình Viettel công bố kết quả kinh doanh 10 tháng đầu năm 2022 với doanh thu ước đạt hơn 7,758 tỷ đồng, tăng trưởng 26.8% YoY. Lợi nhuận trước thuế 460.7 tỷ đồng, tăng hơn 25% YoY. Công ty đã thực hiện được 90.4% kế hoạch doanh thu và 89% chỉ tiêu lợi nhuận năm.

## CTCP Phú Tài (PTB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PTB giảm 6.92% xuống 37,650 VND/cp

- CTCP Phú Tài công bố việc tạm dừng việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Nguyên nhân được công ty đưa ra là căn cứ tình hình thị trường chứng khoán, đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

11/11/2022

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô Trần Đức Anh  
anhtd@kbsec.com.vn  
Chuyên viên phân tích Lê Hạnh Quyên  
quyenlh@kbsec.com

# Lạm phát Mỹ

## Hạ nhiệt với tốc độ nhanh hơn dự báo

### CPI tháng 10 của Mỹ tăng 0.4% MoM. và lũy kế 10 tháng đầu năm tăng 7.7% YoY

- Lạm phát Mỹ hạ nhiệt với tốc độ nhanh hơn dự báo. Chỉ số CPI tháng 10 tăng 0.4% MoM. và tăng 7.7% YoY. Đáng chú ý, CPI lõi – không bao gồm giá thực phẩm và năng lượng chỉ tăng 0.3% MoM, thấp hơn mức dự báo của thị trường là 0.5% MoM và mức tăng thực tế của tháng 9 là 0.6% MoM (biểu đồ 1 & 2).
- Các yếu tố chính tác động tới CPI tháng 10 (bảng 1)
  - (i) Tác động làm CPI tăng gồm: (1) giá lương thực, thực phẩm tăng 0.6% MoM – đã hạ nhiệt so với các tháng trước (09/22 – 0.8% MoM, 08/22 – 0.8% MoM); (2) Giá năng lượng tăng 1.8% MoM. do giá xăng tăng 4% MoM, giá dầu tăng 19.8% MoM; (3) Giá thuê nhà vẫn duy trì xu hướng tăng từ đầu năm, tăng 0.8% MoM (biểu đồ 3). do lãi suất liên bang tăng mạnh sau 4 lần nâng lãi suất đã đẩy chi phí lãi vay mua nhà phải trả lên cao.
  - (ii) Giúp CPI giảm gồm: (1) Giá ô tô và xe tải đã qua sử dụng giảm 2.4% MoM; (2) Giá hàng hóa quần áo giảm 0.7% MoM; (3) Giá dịch vụ chăm sóc y tế giảm 0.6% MoM

### Kỳ vọng Fed sẽ bớt quyết liệt hơn trong việc tăng lãi suất trong năm 2023

- Kịch bản cơ sở: Giá định tốc độ tăng CPI duy trì tốc độ tăng MoM như trong tháng 10/2022 ở mức 0.3% trong các tháng tiếp theo từ nay đến giữa năm 2023, CPI core sẽ đạt 4.7 % YoY vào tháng 5 năm sau. Đây là kịch bản tương đối thận trọng trong bối cảnh CPI core của Mỹ đã có xu hướng giảm mạnh trong tháng 10, sau khi mức tăng đạt đỉnh vào tháng 7 vừa qua (ở mức 0.7% MoM). Chúng tôi duy trì quan điểm thận trọng này do còn nhiều yếu tố khó lường liên quan đến chuỗi cung ứng (chính sách zero Covid của Trung Quốc, xung đột Nga – Ukraine...).
- Tương ứng với kịch bản cơ sở trên, chúng tôi cho rằng FED cũng sẽ chậm lại lộ trình tăng lãi suất với 1 lần tăng 50 điểm cơ bản vào tháng 12 năm nay, và có thêm 2 lần nâng 25 điểm cơ bản vào kỳ họp tháng 1 và tháng 3 năm sau trước khi dừng lại. Theo đó, lãi suất Fed Fund Rate vào cuối tháng 3/2023 là 4.75% - 5% và đã cao hơn mức CPI core kỳ vọng 4.7% YoY vào tháng 5/2023. Đây là mức lãi suất hợp lý với xu hướng ổn định dần của lạm phát và FED sẽ duy trì mức lãi suất này cho đến cuối năm để có thêm dữ liệu đánh giá về xu hướng lạm phát cũng như sức khỏe nền kinh tế Mỹ, trước khi có các động thái tiếp theo (chúng tôi cũng nghiêng về kịch bản FED sẽ hạ lãi suất vào cuối năm 2023 khi nền kinh tế Mỹ có các dấu hiệu suy yếu rõ ràng hơn trong bối cảnh lạm phát được kiểm soát tốt).

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một nhịp tăng điểm tích cực trong phiên trước khi dần suy yếu và đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên.
- Áp lực bán giải chấp tăng mạnh khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Trong kịch bản tiêu cực, VNIndex đang đối mặt với rủi ro tiếp tục giảm điểm và kiểm định lại vùng đáy ngắn hạn quanh 935-940 và sâu hơn là vùng 920 (+-5) nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy.
- NĐT được khuyến nghị gia tăng một phần tỷ trọng trading ngắn hạn tại vùng hỗ trợ trong phiên, nhưng cần tuân thủ điểm dừng lỗ và hạ tỷ trọng nếu điểm đỡ bị xuyên thủng sau đó.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 953 - 958

Kháng cự gần: 942 - 946

Hỗ trợ gần: 920 - 924

Hỗ trợ xa: 905 - 910

- F1 trải qua một nhịp tăng điểm tích cực trong phiên trước khi dần suy yếu và đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên.
- Vùng kháng cự xa quanh 960 (+5) đã cho phản ứng và khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Trong kịch bản tiêu cực, F1 đang đối mặt với rủi ro tiếp tục mở rộng nhịp giảm điểm và kiểm định lại vùng đáy ngắn hạn quanh 905-910 nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT quanh ngưỡng các ngưỡng kháng cự.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

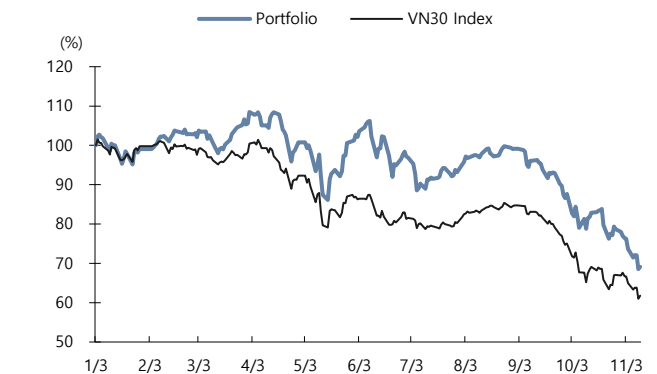
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.29%	0.80%
Tăng lũy kế (YTD)	-38.21%	-30.91%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 11/11/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	43,000	1.5%	11.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	15,000	-2.0%	-47.4%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	97,200	0.2%	26.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	115,500	-3.8%	-39.8%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	69,200	1.8%	134.1%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	72,800	-0.3%	200.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	23,600	3.7%	24.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	113,900	0.4%	55.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	12,300	1.7%	10.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	14,600	4.7%	42.1%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
STB	3.0%	20.2%	402.6
KDH	6.3%	29.7%	388.6
HPG	1.7%	18.6%	224.3
VHM	0.5%	23.1%	134.6
CTG	3.7%	26.9%	112.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
DGW	-6.9%	25.7%	-5.5
VPB	0.0%	17.7%	-11.2
HDC	1.0%	1.2%	12.2
TPB	0.0%	30.0%	3.1
OCB	2.3%	21.6%	3.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	1.9%	14.2%	53.1
SHS	-5.9%	5.6%	2.0
PVI	2.1%	58.8%	1.2
TNG	-7.9%	4.8%	0.4
PCG	9.4%	46.9%	0.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IDC	-9.8%	0.4%	-10.6
THD	0.0%	1.2%	-0.1
HUT	-6.0%	0.8%	-0.1
TC6	-8.7%	1.2%	-0.0
HLD	-0.8%	5.2%	-0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	3.6%	TNH, JVC, VMD
Bao bì & đóng gói	3.3%	TDP, SVI, MCP, TPC
Đồ uống	3.1%	SAB, BHN, SMB, SCD
Tiện ích khí	2.6%	GAS, PGD, PMG
Ngân hàng	1.7%	VCB, BID, VPB, TCB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Giấy & lâm sản	-20.2%	DHC, HAP, HHP, VID
Kim loại & khai thác	-16.4%	HPG, HSG, NKG, KSB
Xây dựng và kỹ thuật	-15.6%	DIG, HDG, VCG, PC1
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-15.3%	TLG, ILB, APC, ST8
Sản phẩm xây dựng	-14.6%	VGC, BMP, SHI, DAG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	10.4%	VCB, BID, VPB, TCB
Tiện ích khí	7.4%	GAS, PGD, PMG
Thực phẩm	7.2%	VNM, MSN, KDC, VHC
Đồ uống	1.7%	SAB, BHN, SMB, SCD
Vận tải hàng không & Logistics	-1.2%	TMS, SCS, STG, ASG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngành chưa phân loại	-36.6%	CKG, PSH, NHH, ABS
Sản phẩm xây dựng	-33.1%	VGC, BMP, SHI, DAG
Kim loại & khai thác	-33.0%	HPG, HSG, NKG, KSB
Máy móc	-32.1%	TCH, HHS, SRF, SHA
Xây dựng và kỹ thuật	-31.1%	DIG, HDG, VCG, PC1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)			ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	72,873 (3.0)	22.5	22.1	20.6	14.7	8.8	9.2	2.0	1.8	2.5	0.0	-9.5	-42.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	150,273 (6.1)	26.6	6.2	5.2	35.9	22.2	22.0	1.3	1.1	0.5	-0.8	14.8	-46.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	34,362 (1.4)	17.8	22.2	15.8	-7.6	8.1	10.6	1.8	1.7	2.0	-2.7	7.0	-15.9
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	104,197 (4.2)	31.3	14.9	12.4	6.7	14.1	15.2	2.1	1.8	-6.9	-	44.2	-54.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	45,420 (1.8)	11.6	10.2	9.8	13.7	13.0	12.4	1.2	1.1	6.3	-5.8	17.2	-56.4
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	108,358 (4.4)	13.9	6.3	5.1	-	10.4	11.5	0.5	0.5	-7.0	-	36.0	-71.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	83,264 (3.4)	6.3	13.4	11.3	11.7	22.0	22.0	2.6	2.2	3.7	5.2	21.8	-4.2
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	60,143 (2.4)	12.7	12.7	10.2	-5.3	17.4	18.5	1.8	1.5	3.7	8.1	26.3	-3.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	176,913 (7.2)	0.0	3.7	3.2	14.3	20.9	19.5	0.7	0.6	0.2	10.6	-5.0	-54.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	163,460 (6.6)	1.4	6.4	5.4	50.3	18.5	19.6	1.1	1.0	3.7	-3.7	19.2	-30.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	247,008 (10.0)	0.0	5.9	5.8	18.8	19.7	16.9	1.0	0.9	0.0	-3.8	6.2	-31.7
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	209,749 (8.5)	0.0	4.2	3.6	14.6	24.5	22.9	0.9	0.7	1.3	10.6	-0.3	-33.6
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	39,121 (1.6)	4.2	4.8	4.2	23.3	23.1	21.6	1.0	0.8	1.4	-3.9	-8.6	-40.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	362,571 (14.7)	14.0	7.3	2.4	26.5	12.5	24.9	0.8	0.6	3.0	-6.0	-1.6	-50.5
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	69,987 (2.8)	0.0	5.1	4.0	37.4	21.6	21.5	1.0	0.8	0.0	-6.6	2.8	-51.5
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	48,242 (2.0)	0.2	11.3	9.7	27.3	16.0	16.2	1.5	1.3	-6.9	-	34.7	-28.3	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	37,695 (1.5)	21.0	17.1	13.9	15.8	9.9	11.5	1.6	1.5	0.7	-2.0	4.3	-12.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,385 (0.2)	14.2	9.0	8.1	9.1	12.8	13.6	1.0	0.9	-5.3	17.8	12.6	-58.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	287,043 (11.6)	55.4	8.5	7.7	-3.2	15.2	13.1	-	-	1.4	-8.1	-	-71.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	179,021 (7.3)	71.9	-	-	-4.0	22.7	20.9	-	-	-6.8	18.6	17.1	-63.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	104,886 (4.2)	52.4	-	-	-19.0	16.9	15.9	-	-	-6.9	14.7	-5.4	-61.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	269,174 (10.9)	27.2	-	-	36.3	27.0	25.6	-	-	0.8	12.5	28.2	-70.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	157,383 (6.4)	42.1	19.0	17.0	4.0	27.2	29.5	4.8	4.6	0.0	-2.0	11.7	-9.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	28,185 (1.1)	36.9	24.1	20.9	7.3	22.4	22.9	5.0	4.4	1.8	3.2	2.3	24.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	110,043 (4.5)	16.5	22.8	16.4	-51.9	14.5	17.6	3.2	2.7	6.8	2.6	8.4	-39.3
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	17,361 (0.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.3	-5.2	14.0	-67.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	23,196 (0.9)	11.0	42.8	27.1	-88.5	7.5	16.4	-	-	1.3	1.2	-5.3	-21.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	36,726 (1.5)	10.8	14.1	13.7	-57.0	13.4	13.5	1.9	1.8	1.0	-9.0	-6.0	-6.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	65,007 (2.6)	38.4	4.3	22.9	65.7	14.3	2.4	0.6	0.6	-6.8	18.2	26.6	-73.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	151,185 (6.1)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	4.5	-5.0	16.7	-71.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	20,658 (0.8)	3.6	26.4	5.2	-52.4	1.0	4.8	-	-	-6.9	26.3	33.1	-73.5
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	43,841 (1.8)	0.0	9.7	9.6	-4.5	16.4	15.3	1.4	1.2	1.8	-1.3	-7.7	15.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	38,166 (1.5)	46.1	15.6	16.7	-17.5	24.6	20.9	3.8	3.4	0.4	2.6	7.4	18.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	31,792 (1.3)	31.4	8.9	8.8	-10.5	18.1	16.9	1.4	1.3	7.0	-4.4	-9.1	-12.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,164 (0.0)	34.1	14.4	6.5	-5.1	4.7	9.9	0.8	0.8	0.8	12.2	19.7	-49.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	569,992 (23.1)	18.0	3.2	2.8	21.9	21.4	20.5	0.6	0.6	1.7	16.0	29.7	-65.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	117,124 (4.8)	36.5	3.3	4.9	-0.5	40.1	23.5	1.2	1.0	1.8	-2.7	-8.5	-20.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	144,231 (5.8)	46.5	4.4	6.7	-4.5	41.5	22.9	1.6	1.4	2.3	-2.4	-3.4	-22.3
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	147,988 (6.0)	38.9	3.4	2.9	67.9	11.8	12.9	0.4	0.3	-6.9	27.0	36.5	-74.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	18,866 (0.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-1.7	11.4	15.6	-67.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	27,193 (1.1)	4.6	18.1	9.8	-51.0	6.3	11.7	1.1	1.7	0.7	-5.6	17.6	-49.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	161,441 (6.6)	39.9	227.7	14.0	-11.9	0.3	4.2	0.5	0.5	-7.0	13.3	23.4	-34.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	26,428 (1.1)	35.9	6.5	6.0	2.2	14.8	14.6	0.9	0.7	1.8	-1.8	-4.8	-30.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	159,342 (6.5)	0.0	11.3	8.3	14.4	24.5	28.2	2.1	1.7	1.5	-6.6	22.4	-36.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	29,714 (1.2)	0.0	13.4	11.6	2.4	24.4	21.8	2.7	2.3	0.2	2.4	-7.1	1.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,426 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-6.9	30.2	50.6	-70.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	142,838 (5.8)	30.3	15.4	12.3	-75.2	27.8	25.6	3.6	2.8	-0.9	-5.1	5.3	3.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	24,465 (1.0)	34.6	6.3	5.2	41.2	29.6	25.2	1.5	1.3	-0.5	-1.0	14.2	-46.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,029 (0.0)	45.4	13.6	12.7	10.7	21.3	20.6	-	-	-0.1	-3.9	0.5	-28.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	80,830 (3.3)	0.0	14.7	12.1	15.5	28.4	29.2	3.8	3.2	-0.3	-0.1	2.5	-6.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp  
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích  
huynd1@kbsec.com.vn

### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann@kbsec.com.vn

### Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích  
quangtpt@kbsec.com.vn

### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

### Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích  
quyenlh@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congth@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.